

Số: /BC-STC

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (trước mừng 05 Tết)

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-BTC ngày 09/01/2024 của Bộ Tài chính về việc về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024, Sở Tài chính Bắc Giang báo cáo tình hình giá cả thị trường sau Tết như sau:

Khoảng thời gian trong và sau Tết nguyên đán, thị trường chưa buôn bán rầm rộ trở lại, nhiều đại lý, cửa hàng, công ty... chưa mở cửa hoạt động, tại một số chợ, một số tiểu thương đã buôn bán nhưng hàng hóa chưa đa dạng, chủ yếu bày bán các mặt hàng thiết yếu như: cá, thịt và rau xanh. Giá cả một số nhóm hàng cụ thể như sau:

- Nhóm hàng lương thực: trong và sau Tết, giá cả nhóm hàng này không thay đổi so với thời điểm trước Tết.

- Nhóm hàng rau, củ, quả: Giá cả nhóm hàng này trong và sau Tết tăng nhẹ so với trước Tết, do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng và do nông dân đã thu hoạch hết rau xanh, hoa màu để chuẩn bị cho dịp Tết trước đó nên nguồn cung rau củ quả trên địa bàn tỉnh đã giảm.

- Nhóm hàng thực phẩm tươi sống: Đối với các mặt hàng thịt gia súc, gia cầm giá đã tăng từ thời điểm ngày 23 tháng Chạp vẫn giữ giá tăng đó trong và sau Tết. Đối với các mặt hàng thịt, cá, tôm, cua, sau Tết giá tăng nhẹ so với trước Tết do dịp Tết cung giảm, nhu cầu ẩm thực của người dân thay đổi ngay sau Tết.

- Nhóm hàng xăng dầu, khí đốt: Giá cả vẫn ổn định so với trước Tết.

- Nhóm hàng cước vận tải: Do nhu cầu đi lại của người dân trong dịp Tết tăng nên giá cả nhóm hàng này tăng nhẹ so với trước Tết.

- Nhóm hàng vàng, bạc, đôla Mỹ: Giá vàng và đô la Mỹ tăng theo xu hướng biến động của giá vàng thế giới và giá vàng trong nước.

Cụ thể giá cả một số mặt hàng như sau:

DVT: đồng

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Giá trước Tết	Giá sau Tết (trước mừng 5 Tết)	Chênh lệch ± %	Ghi chú
1	Gạo nếp loại 1	đ/kg	40.000	40.000	0	

2	Gạo tám thơm	đ/kg	20.000	20.000	0	Gạo Yên Dũng
3	Thóc tẻ thường	đ/kg	10.000	10.000	0	Khang dân
4	Gạo tẻ thường	đ/kg	20.000	20.000	0	
5	Gạo Khang dân	đ/kg	14.000	14.000	0	
6	Măng khô	đ/kg	350.000	350.000	0	loại 1
7	Mộc nhĩ	đ/kg	200.000	200.000	0	
8	Miến	đ/kg	100.000	100.000	0	Miến sạch ngon
9	Nấm hương	đ/kg	400.000	400.000	0	
10	Giò lụa	đ/kg	200.000	200.000	0	
11	Giò bò	đ/kg	300.000	300.000	0	
13	Gà ta còn sống	đ/kg	130.000	130.000	0	loại ngon
14	Bánh chưng	đ/cái	70.000	70.000	0	loại 1kg/cái
15	Hoa cúc	đ/bông	10.000	10.000	0	
16	Thịt lợn thăn	đ/kg	120.000	120.000	0	
17	Thịt nạc vai	đ/kg	130.000	130.000	0	
18	Thịt ba chỉ	đ/kg	135.000	135.000	0	
19	Bò đùi	đ/kg	300.000	300.000	0	
20	Bò thăn	đ/kg	300.000	300.000	0	
21	Cải xanh	đ/kg	15.000	17.000	2.000	
22	Cải thảo	đ/kg	20.000	22.000	2.000	
23	Nấm kim	đ/túi	15.000	17.000	2.000	
24	Khoai tây	đ/kg	20.000	20.000	0	
25	Cà rốt	đ/kg	13.000	13.000	0	
26	Cà chua	đ/kg	25.000	27.000	2.000	
27	Súp lơ xanh	đ/cái	15.000	17.000	2.000	
28	Su hào	đ/củ	10.000	10.000	0	
29	Trứng gà	đ/1 chục	50.000	50.000	0	Trứng sạch ngon
30	Trứng vịt	đ/1 chục	35.000	35.000	0	
31	Bia Heineken	đ/thùng	345.000	345.000	0	
32	Cá trắm loại to	đ/kg	90.000	100.000	10.000	
33	Cá quả	đ/kg	120.000	130.000	10.000	
34	Xăng E5 ron 92-II	đ/lít	22.370	22.370	0	Giá tại các cây xăng của Công ty Bắc Hà

Sở Tài chính báo cáo Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính và UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- VP Tỉnh ủy (B/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Email: csgia@mof.gov.vn;
- Email: hoangngocthai129@gmail.com;
- Phòng TCKH các huyện, thành phố;
- Giám đốc, các PGĐ Sở.
- Lưu: VT, QLГ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Huy